Nhắc tới tư pháp quốc tế là nhắc tới vấn đề áp dụng các quy phạm xung đột. Một trong những vấn đề rất phức tạp trong việc áp dụng quy phạm xung đột đó là vấn đề dẫn chiếu ngược và dẫn chiếu đến pháp luật của nước thứ ba. Trong phạm vi bài viết này, em xin làm rõ vấn đề “khi gặp hiện tượng dẫn chiếu ngược và dẫn chiếu đến pháp luật nước thứ ba thì sẽ áp dụng pháp luật như thế nào”.

**NỘI DUNG**

**I. Khái quát về hiện tượng dẫn chiếu trong tư pháp quốc tế**

**1, Dẫn chiếu**

Dẫn chiếu ngược hay dẫn chiếu đến pháp luật của nước thứ ba là hiện tượng khi cơ quan có thẩm quyền của nước A áp dụng quy phạm xung đột dẫn chiếu đến pháp luật nước ngoài (nước B), nhưng pháp luật nước B lại quy định vấn đề phải được giải quyết theo pháp luật nước A hoặc được giải quyết theo pháp luật của một nước thứ ba.

Theo BLDS Việt Nam “năng lực pháp luật dân sự của pháp nhân nước ngoài được xác định theo pháp luật của nước nơi pháp nhân đó thành lập”. Doanh nghiệp A là doanh nghiệp nước ngoài và thành lập tại Đức. Vậy pháp luật Đức là pháp luật điều chỉnh năng lực pháp luật dân sự của doanh nghiệp A. Nhưng theo pháp luât Đức, vấn đề này được điều chỉnh bởi pháp luật nơi doanh nghiệp có trụ sở thực tiễn và trong thực tế thì doanh nghiệp A có trụ sở tại Bỉ. Do đó, pháp luật Đức dẫn đến pháp luật Bỉ. Vậy hiện tượng dẫn chiếu đến pháp luật nước thừ ba có thể xảy ra ở Việt Nam.

**2, Nguyên nhân của hiện tượng dẫn chiếu**

Thứ nhất, quy phạm xung đột có hai bộ phận cấu thành: phần phạm vi và phần hệ thuộc. Hiện tượng dẫn chiếu xuất hiện khi một vấn đề pháp lý thuộc phần phạm vi của hai quy phạm xung đột của hai nước có phần hệ thuộc khác nhau hay là do có sự quy định khác nhau trong các quy phạm xung đột của các nước về nguyên tắc chọn luật áp dụng cho cùng một vấn đề pháp lý.

Nguyên nhân thứ hai có khả năng làm phát sinh dẫn chiếu là việc giải thích các hệ thuộc luật của các nước có thể rất khác nhau. có thể dẫn đến khả năng một vấn đề pháp lý sẽ được hệ thống pháp luật của hai nước đều cho rằng, sẽ được áp dụng (gọi là xung đột tích cực), hoặc cả hai nước đều từ chối áp dụng, cho ràng pháp luật của nước mình không có thẩm quyền áp dụng (gọi là xung đột tiêu cực).

Một số tác giả cho rằng, có sự “ủy quyền” của pháp luật trong nước cho pháp luật nước ngoài trong việc áp dụng giải quyết tình huống pháp lý phát sinh. Và như vậy, có thể coi các quy phạm xung đột nước ngoài dẫn chiếu ngược chở lại pháp luật nước có tòa án thụ lý là một bộ phận cấu thành trong hệ thống pháp luật của nước có tòa án đó.

**II. Áp dụng pháp luật khi gặp hiện tượng dẫn chiếu ngược và dẫn chiếu đến pháp luật nước thứ ba.**

**1, Chấp nhận dẫn chiếu:**

Một số nước không chấp nhận dẫn chiếu như Siry (BLDS 1949), Ai Cập (BLDS 1948)… bởi quan điểm của họ thì khi dẫn chiếu là chỉ dẫn chiếu tới các quy phạm luật thực chất của nước đó chứ không phải toàn bộ hệ thống pháp luật của nước đó như các nước chấp nhận dẫ chiếu như Anh, Nhật Bản (BLDS 1898), Thụy Điển.

Ở Việt Nam về nguyên tắc thì dẫn chiếu được chấp nhận. Khoản 3 Điều 759 BLDS 2005: “nếu pháp luật nước đó (pháp luật nước ngoài được quy định hoặc viện dẫn) dẫn chiếu trở lại pháp luật nước CHXHCN VN, thì áp dụng pháp luật CHXHCN VN”. Tương tự theo Điều 5 nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 cũng quy định về vấn đề này.

Pháp luật Việt Nam chỉ đề cập đến dẫn chiếu ngược trở lại pháp luật VN và không cho biết dẫn chiếu đến pháp luật nước thứ ba có được chấp nhận hay không. Tuy nhiên theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 nghị định số 138/2006/NĐ-CP thì dẫn chiếu ngược trở lại và dẫn chiếu đến pháp luật nước thứ ba được chấp nhận ở Việt Nam. Thực tế vấn đề này rất hiếm gặp, do các quy phạm xung đột cũng có giới hạn và nhìn chung các quy phạm xung đột của tư pháp quốc tế là thống nhất. Đa phần phụ thuộc vào cách giải thích và ý chí của tòa án thụ lý vụ việc.

**2, Các trường hợp không chấp nhận dẫn chiếu**

Thứ nhất là trong lĩnh vực hợp đồng, hầu hết tất cả các quốc gia trên thế giới đều không chấp nhận dẫn chiếu trong lĩnh vực này. Điều 15 Công Ước Rome 19/6/1980 về quy phạm xung đột thống nhất trong lĩnh vực hợp đồng đối với một số nước châu Âu và Điều 2 Công Ước Lahaye 7/6/1955 về hợp đồng mua bán quốc tế động sản, dẫn chiếu không được chấp nhận bởi nó sẽ làm đảo lộn những dự tính, đi ngược lại ý chí của các bên khi họ thỏa thuận chọn pháp luật áp dụng (luật nội dung, luật thực chất của hệ thống luật này) cho hợp đồng. Khoản 1 Điều 769 BLDS 2005: “quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được xác định theo pháp luật của nước mà các bên đã thỏa thuận chọn”. nhưng không phải sự loại trừ dẫn chiếu là đương nhiên, tự động mà cần dung hòa ý chí các bên và các quy phạm xung đột một cách thống nhất.

Thứ hai là khi có Điều ước quốc tế quy định. Theo Điều 39 Hiệp đinh tương trợ tư pháp giữa Nga và Việt Nam, “quan hệ pháp luật về thừa kế động sản do pháp luật của bên ký kết mà người để lại thừa kế là công dân vào thời điểm chết điều chỉnh”.  Ví dụ: một công dân Nga sống và làm ăn ở VN nhiều năm, công dân này có vợ người VN và có một số động sản ở VN và Nga. Công dân Nga qua đời đột ngột ở VN do tai nạn không để lại di chúc. Vậy pháp luật Nga điều chỉnh quyền thừa kế vì khi người chết để lại tài sản thừa kế là công dân của Nga dù tại Điều 1224 Khoản 1 BLDS Nga quy định: “thừa kế (động sản) được điều chỉnh bởi pháp luật của nước mà người để lại thừa kế có nơi cư trú cuối cùng”.

**KẾT LUẬN**

Qua việc tìm hiểu ở trên, có thể thấy dẫn chiếu là vấn đề rất quan trọng, phổ biến nhưng cũng rất khó, rất phức tạp trong tư pháp quốc tế. Trong thời gian tới, khi các Điều ước quốc tế ngày một gia tăng, việc thiết lập các quy phạm xung đột thống nhất trong các Điều ước này sẽ làm mất đi những điều kiện tồn tại của dẫn chiếu, có thể hiện tượng dẫn chiếu không cần phải đặt ra trong tư pháp quôc tế nữa. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại, dẫn chiếu vẫn được áp dụng một cách thường xuyên và phổ biến, vì vậy chúng ta cần phải tìm hiểu kỹ về vấn đề này để có thể áp dụng pháp luật hiệu quả nhất.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Giáo trình tư pháp quốc tế, trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội – 2009;

2. Giáo trình tư pháp quốc tế (dùng trong các trường đại học chuyên ngành luật), ThS. BÙI THỊ THU, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội – 2010;

3. Bộ luật Dân sự 2005;

4. Nghị định số 68/2002/NĐ-CP;

5. Nghị định số 138/2006/NĐ-CP.